

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/ DS-ST

Ngày: 19-9-2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

TH1nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn La

2. Ông Chu Quốc Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2022/DS-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 - Vắng mặt

Địa chỉ Số 150A, đường Cao Kỳ Vật tổ dân phố Cung Nhượng phường Thọ Xương, th1nh phố Bắc Giang tỉnh Bắc Giang

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơnChị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995- Vắng mặt

Địa chỉ Tổ dân phố Thượng thị trấn Tân A, huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1973 - Vắng mặt

Địa chỉThôn Trại Phúc Mẫ xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1977 - Vắng mặt.

Địa chỉ Số 150A, đường Cao Kỳ Vật tổ dân phố Cung Nhượng phường Thọ Xương, th1nh phố Bắc Giang tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1973 cư trú tại Thôn Trại Phúc Mãn , xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang , tỉnh Bắc Giang là bạn chơi thân với vợ chồng chị .

Ngày 20/11/2020, vợ chồng chị có cho anh D vay số tiền 980.000.000đ (*Chín trăm tám mươi triệu đồng*), hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 01 tháng kể từ ngày 20/11/2020 đến ngày 20/12/2020, do là chỗ anh em quen biết và chơi thân nên vợ chồng chị không tính lãi với số tiền vay này trong thời hạn vay 01 tháng. Hai bên thỏa thuận nếu hết thời hạn 01 tháng mà anh D chưa thanh toán số tiền vay thì anh D phải chịu lãi suất với mức lãi 1%/tháng kể từ thời điểm chậm trả. Mục đích anh D vay tiền để giải quyết công việc (làm xưởng mộc). Tuy nhiên đến hết thời hạn vay thì anh D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng chị như thỏa thuận theo giấy vay tiền. Vợ chồng chị đã nhiều lần đến nH1 anh D cũng như liên hệ gọi điện với anh D để lấy lại số tiền đã cho vay nhưng cho đến nay anh D vẫn chưa thanh toán cho vợ chồng chị được đồng nào tiền gốc và lãi như thỏa thuận. Nay chị H đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc D trả cho chị số tiền gốc 980.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2020 đến nay theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng. Do bản công việc nên chị uỷ quyền toàn bộ việc giải quyết vụ án cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố Thương, thị trấn Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

* *Bị đơn anh Nguyễn Ngọc D* được Toà án giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và các văn bản tố tụng của Toà án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn anh Nguyễn Ngọc D không đến Toà án làm việc, không có văn bản ý kiến trình bày quan điểm.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 trình bày:* Anh nhất trí với lời khai và toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là vợ anh đã trình bày trong đơn khởi kiện cũng như trong bản tự khai và do bản công việc nên anh xin vắng mặt toàn bộ trong quá trình giải quyết vụ án.

Trước phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị L là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và văn bản trình bày ý kiến, nội dung văn bản ý kiến chị L trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Toà án giải quyết buộc anh Nguyễn Ngọc D trả cho chị H số tiền gốc 980.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 21/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận 1%/tháng; tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Ngọc D vắng mặt vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; anh Nguyễn Văn H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang không tiến hành phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa sau khi tiến hành nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 vắng mặt và đều có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Ngọc D được tiếp tục vắng mặt lần thứ 2, do vậy HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Quan hệ vay tài sản (tiền) giữa vợ chồng chị H, anh H1 và anh D là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân. Các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh nên nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tại Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thụ lý và giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp thì thấy:*

Ngày 20/11/2020, vợ chồng chị H và anh D đã thực hiện việc vay tài sản (tiền) của nhau số tiền vợ chồng chị H cho anh D vay là 980.000.000đ (Chín trăm tám mươi triệu đồng). Khi vay, hai bên lập giấy vay tiền, trong giấy vay tiền ghi rõ về lãi suất cũng như thời hạn trả tiền là 01 tháng, nhưng do là anh em chơi với nhau nên vợ chồng chị H không tính lãi trong thời hạn vay ghi trong giấy vay tiền. Tuy nhiên, hết thời hạn vay 01 tháng mà anh D không trả tiền thì anh D phải chịu lãi suất 1%/tháng. Hết thời hạn vay phía anh D không thanh toán trả cho vợ chồng chị H bất cứ khoản tiền nào, vợ chồng chị H đã nhiều lần đòi tiền anh D nhưng đến nay anh D vẫn không thanh toán cho vợ chồng chị H. Ngày 19/5/2022, chị H nộp đơn khởi kiện, yêu cầu anh D phải thanh toán trả số tiền vay gốc và lãi suất phát sinh. HĐXX thấy đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 184, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463 và khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. *Về nội dung tranh chấp:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

- *Về yêu cầu đòi tiền gốc* : Giấy vay tiền lập ngày 20/11/2022 giữa vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn H1 và anh Nguyễn Ngọc D đã xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền gốc là 980.000.000đ. Giao dịch dân sự giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 116 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi tham gia giao dịch dân sự chị H, anh H1 và anh D đều có đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp

luật, không trái với đạo đức xã hội, người tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ khi vay tiền, anh Nguyễn Ngọc D chưa trả cho vợ chồng chị Nguyễn Thị H đồng nào tiền gốc, lãi. Nay chị H yêu cầu anh D có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc còn nợ là 980.000.000đ, anh H1 là chồng chị H nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị H. Hội đồng xét thấy yêu cầu trên của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

- *Về yêu cầu tính lãi* : Tại giấy vay tiền, các bên thoả thuận hết thời hạn vay phía anh D không trả được tiền thì khoản vay sẽ được tính lãi suất 1%/tháng. Nay chị H uỷ quyền cho chị Nguyễn Thị L, chị L vẫn yêu cầu được tính lãi kể từ ngày anh D vi phạm thời hạn thanh toán (21/12/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1%/tháng theo thoả thuận đã ghi trong giấy vay tiền của chị H, anh H1 và anh D. Hội đồng xét xử xét thấy, phía anh D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thoả thuận, việc đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi mức 1%/tháng kể từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Cụ thể: Thời gian tính lãi của số tiền vay gốc kể từ ngày 21/12/2020 đến ngày 19/9/2022 là 20 tháng 28 ngày là:

$$980.000.000đ \times 1\% \times 20 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} = 205.146.000đ$$

Tổng số tiền nợ gốc và lãi mà anh Nguyễn Ngọc D phải trả cho chị Nguyễn Thị H là: $980.000.000đ + 205.146.000đ = 1.185.146.000đ$.

[5]. *Về án phí*:

Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể: Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu $47.554.000đ$ ($36.000.000đ + 3\%$ của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá $800.000.000đ = 36.000.000đ + 3 \times 385.146.000đ : 100 = 47.554.380đ$, tính tròn là $47.554.000đ$).

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả chị H số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về miễn, giảm, mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Buộc anh Nguyễn Ngọc D phải thanh toán trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 980.000.000đ, số tiền nợ lãi là 205.146.000đ, tổng cộng là 1.185.146.000đ (*Một tỷ một trăm tám mươi lăm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Ngọc D phải chịu số tiền 47.554.000đ (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả chị Nguyễn Thị H 23.040.000đ (*Hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012910 ngày 03/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2-Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm